

QUY ĐỊNH

Quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết

Khu đô thị mới đường Võ Nguyên Giáp, phường IV, thành phố Vị Thanh
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2023 của UBND thành phố Vị Thanh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Quy định hướng dẫn việc quản lý đầu tư xây dựng mới, cải tạo và sử dụng các công trình, cảnh quan trong đồ án quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới đường Võ Nguyên Giáp, phường IV, thành phố Vị Thanh đã được Ủy ban nhân dân thành phố Vị Thanh phê duyệt.

Ngoài những quy định trong văn bản này, việc quản lý xây dựng đô thị còn phải tuân theo các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 1. Đối tượng áp dụng và phân công quản lý thực hiện

1. Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có liên quan đến hoạt động xây dựng và quản lý kiến trúc đô thị trong khu vực này.

2. Phòng Quản lý đô thị tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố hướng dẫn việc quản lý kiến trúc đô thị đúng theo quy định tại văn bản này.

3. Việc điều chỉnh, bổ sung hoặc thay đổi những quy định tại văn bản này phải được cấp có thẩm quyền cho phép.

Điều 2. Phạm vi ranh giới, quy mô diện tích khu vực lập quy hoạch

1. Khu đất lập quy hoạch thuộc phường IV, thành phố Vị Thanh có tứ cận tiếp giáp như sau:

a) Phía Đông Bắc: giáp đường dự mở (tiếp giáp dự án Khu dân cư thương mại Vị Thanh);

b) Phía Tây Bắc: giáp đất dân;

c) Phía Đông Nam: giáp đường dự mở (tiếp giáp dự án Khu dân cư thương mại Vị Thanh);

d) Phía Tây Nam: giáp đại lộ Võ Nguyên Giáp;

2. Quy mô diện tích và dân số:

a) Diện tích khu đất quy hoạch khoảng: 77,06ha.

b) Dân số dự kiến: khoảng 15.710 người.

Điều 3. Quy định về sử dụng đất và nguyên tắc kiểm soát không gian kiến trúc cảnh quan khu vực lập quy hoạch

a) Quy định về sử dụng đất:

Từ cơ cấu được phân bổ đưa ra các chỉ tiêu cụ thể cho từng khu chức năng được thống kê như sau:

Bảng cơ cấu quy hoạch sử dụng đất toàn khu

| STT | LOẠI ĐẤT | DIỆN TÍCH (m ²) | TỶ LỆ (%) |
|-------------|--------------------------------------|--------------------------------|--------------|
| 1 | ĐẤT Ở | 323.169,97 | 41,9 |
| - | NHÀ Ở LIÊN KẾ | 222.056,54 | 28,8 |
| - | NHÀ Ở BIỆT THỰ | 24.555,00 | 3,2 |
| - | NHÀ Ở TÁI ĐỊNH CƯ | 11.707,00 | 1,5 |
| - | NHÀ Ở XÃ HỘI | 64.851,43 | 8,4 |
| 2 | ĐẤT THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ | 12.968,99 | 1,7 |
| 3 | ĐẤT GIÁO DỤC | 28.796,80 | 3,7 |
| - | TRƯỜNG MẦM NON | 9.718,80 | 1,3 |
| - | TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ | 19.078,00 | 2,5 |
| 4 | ĐẤT Y TẾ | 2.426,81 | 0,3 |
| 5 | ĐẤT VĂN HÓA - THỂ THAO | 11.891,65 | 1,5 |
| - | TRUNG TÂM VĂN HÓA - THỂ THAO | 5.594,42 | 0,7 |
| - | SÂN TẬP LUYỆN | 6.297,23 | 0,8 |
| 6 | ĐẤT CÂY XANH - MẶT NƯỚC | 75.127,71 | 9,7 |
| - | ĐẤT CÔNG VIÊN - CÂY XANH | 53.375,46 | 6,9 |
| - | ĐẤT MẶT NƯỚC | 21.752,25 | 2,8 |
| 7 | ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT | 9.432,00 | 1,2 |
| | BÃI ĐỖ XE | 4.804,03 | 0,6 |
| | TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI | 3.983,97 | 0,5 |
| | TRẠM TRUNG CHUYỂN RÁC | 644,00 | 0,1 |
| 8 | ĐẤT GIAO THÔNG + HẪM KỸ THUẬT | 306.878,61 | 39,8 |
| TỔNG | | 770.692,54 | 100,0 |

b) Nguyên tắc kiểm soát không gian kiến trúc cảnh quan khu vực lập quy hoạch:

- Trong quá trình sử dụng đất phải đúng mục đích sử dụng đất và phù hợp với từng loại công trình theo đúng quy hoạch được phê duyệt.

- Việc quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan đô thị phải đảm bảo tính thống nhất trong việc quản lý từ không gian tổng thể đô thị đến không gian cụ thể thuộc đô thị; phải có tính kế thừa kiến trúc, cảnh quan đô thị và phù hợp với điều kiện, đặc điểm tự nhiên, đồng thời tôn trọng tập quán, văn hóa địa phương, phát huy giá trị truyền thống kiến trúc của địa phương nhằm giữ gìn bản sắc của từng vùng cảnh quan đô thị. Hình thức kiến trúc hiện đại, màu sắc công trình, cây xanh sân vườn, phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và chức năng sử dụng của từng công trình. Tường rào bao quanh công trình có hình thức đẹp, thoáng, không che chắn tầm nhìn.

- Chủ sở hữu các vật thể kiến trúc có ảnh hưởng đến không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị phải có trách nhiệm bảo vệ, duy trì trong quá trình khai thác, sử dụng bảo đảm mỹ quan, an toàn, hài hòa với không gian xung quanh.

- Việc xây mới, cải tạo chỉnh trang, sửa chữa và phá bỏ vật thể kiến trúc cây xanh trong khu vực công cộng, khuôn viên công trình và nhà ở có ảnh hưởng đến không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị phải xin phép cơ quan quản lý có thẩm quyền.

- Các công trình công cộng khi thiết kế cụ thể cần lưu ý đảm bảo việc sử dụng của người tàn tật được thuận tiện.

- Đối với công viên, vườn hoa, cây xanh: không xây dựng công trình, chỉ trồng cây xanh, làm vườn hoa kết hợp với kiến trúc tiểu cảnh, phục vụ dân cư khu vực.... Hình thức tổ chức sân vườn đẹp, phong phú, thuận lợi cho sử dụng chung và phù hợp với quy hoạch. Cây trồng sử dụng nhiều chủng loại, đảm bảo tươi xanh cho cả bốn mùa, có thể kết hợp với sân thể thao nhỏ, các đường dạo vòi phun nước, ghế đá, hệ thống chiếu sáng ... để tăng cường hiệu quả sử dụng, tường rào thoáng không che chắn tầm nhìn, bố trí lối ra vào thuận tiện.

- Hình dáng kích thước các công trình trong bản vẽ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan chỉ mang tính chất minh họa ý đồ chung, cụ thể sẽ được thiết kế trong giai đoạn lập dự án đầu tư và các công trình này phải tuân thủ theo ý đồ của đồ án quy hoạch.

- Khi thiết kế cụ thể cần được tổ chức hợp lý, tránh gây cản trở giao thông và đáp ứng tốt nhu cầu đỗ xe cho khu vực, có thể kết hợp các công trình phục vụ kỹ thuật hạ tầng đô thị và phải đảm bảo phòng chống cháy nổ theo quy định.

Điều 4. Các quy định chủ yếu về hệ thống hạ tầng kỹ thuật và kết nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực

1. Hệ thống giao thông.

a) Chiều rộng mặt đường thiết kế tối thiểu 2 làn xe, mỗi làn xe rộng 3,5m.

b) Tên đường được tạm thời đặt tên theo bản vẽ giao thông.

c) Cao độ gờ bó vỉa: +1,8m (Cao độ Nhà nước).

e) Bán kính bó vỉa trong phạm vi nút tối thiểu 8m. Bán kính bó vỉa tại các giao lộ $R \geq 12m$.

f) Vát góc công trình tại vị trí giao lộ được căn cứ theo Mục 12.7.3 của “TCXDVN 104 : 2007 "Đường đô thị – Yêu cầu thiết kế” phải đảm bảo tầm nhìn cho người lái đủ để phán đoán tình huống xảy ra và kịp xử lý.

g) Độ dốc mặt đường là 2%, Sử dụng mặt đường loại cấp cao A1 có mặt đường bê tông nhựa, móng đường là các lớp cấp phối đá dăm.

h) Vía hè trồng cây xanh, khoảng cách khoảng 8m÷15m/cây và giữa ranh hai lô nền, kích thước cây xanh được trồng phải bảo đảm chiều cao tối thiểu là 3m và đường kính thân cây >6cm, vỉa hè có độ dốc 1,5% lát gạch bê tông tự chèn M200, bó vỉa bê tông đá 1x2 M250.

2. Chuẩn bị kỹ thuật.

a) San nền:

Cao độ san nền +1,60m (So với cao độ Nhà nước).

b) Trong quá trình đầu tư hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật phải tuân theo quy hoạch đô thị được phê duyệt và kết nối phù hợp với khu vực lân cận.

c) Các công trình xây dựng không được lấn chiếm hành lang bảo vệ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và làm hư hại đến hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện hữu.

3. Quy hoạch thoát nước (nước mưa và nước thải).

a) Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân và tại các khu vệ sinh được xử lý cục bộ bằng bể tự hoại hợp vệ sinh mới được xả vào hệ thống thoát nước thải. Thiết kế đường cống xử lý nước thải theo nguyên tắc tự chảy, đảm bảo thoát nước triệt để cho từng ô đất, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch thoát nước mưa - san nền.

- Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thu gom vào hệ thống cống ống HDPE bố trí ngầm dọc các tuyến đường, vận chuyển nước thải sinh hoạt về đầu nối với trạm xử lý nước thải nội bộ dự án.

b) Nước mưa: Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế độc lập với hệ thống thoát nước thải.

+ Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn với thoát nước thải.

+ Mạng lưới thoát nước mưa sử dụng ga thu trực tiếp, ga thu thăm kết hợp, ga thăm và hệ thống cống tròn được xây dựng đồng thời với việc mở đường quy hoạch.

4. Quy hoạch cấp nước.

a) Nguồn nước phải đảm bảo các yêu cầu về nước sạch, yêu cầu về áp lực và lưu lượng. Nguồn nước phục vụ khu quy hoạch được lấy từ tuyến ống của trạm cấp nước thành phố Vị Thanh cung cấp.

b) Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt là 125 lít/người. ngày đêm.

c) Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế là mạng vòng khép kín kết hợp mạng nhánh. Xây dựng mạng vòng đường kính ống bao quanh dự án, đảm bảo cấp nước là liên tục.

d) Ống cấp nước dịch vụ sử dụng ống nhựa uPVC D90, D114, D200.

e) Các họng cứu hỏa được đầu nối với đường ống cấp nước phân phối bằng thép tráng kẽm có đường kính D100 và được bố trí gần ngã ba, ngã tư hoặc trục đường lớn. Khoảng cách bình quân khoảng 100-150m/trụ.

6. Quy hoạch cấp điện và điện chiếu sáng.

a) Cấp điện:

- Nguồn điện: Nguồn cấp điện cho khu quy hoạch là nguồn điện lưới quốc gia, qua các tuyến trung thế 22kV đường Nguyễn Thị Minh Khai hiện hữu.

- Đường dây trung thế: Từ điểm thỏa thuận đầu nối định hướng tuyến cấp điện ngầm trung thế 22kV cấp điện cho 09 trạm biến áp trong khu dự án. Cấp điện cho các công trình như: Nhà biệt thự, nhà liên kế, shophouse, nhà ở xã hội, các công trình công cộng, dịch vụ, chiếu sáng đường phố...

- Đường dây hạ thế: Tuyến điện hạ thế 0,4kv được xây dựng mới và đi ngầm dưới vỉa hè. Sử dụng cáp ngầm luồn ống HDPE gân xoắn và các phụ kiện đúng theo tiêu chuẩn Việt Nam. Tuyến cáp hạ thế đi dọc theo các đường phố nhưng vẫn đảm bảo bán kính cấp điện không quá 300m đảm bảo tổn thất điện áp cuối tuyến $\leq 5\%$.

b) Chiếu sáng:

- Hệ thống chiếu sáng đi ngầm được xây mới để chiếu sáng cho đường nội bộ và các lối đi trong toàn khu vực.

- Mạng điện chiếu sáng được thiết kế riêng biệt với hệ thống điện sinh hoạt và được điều khiển bật tắt tự động bằng các tủ điện riêng.

- Chiếu sáng đường phố bằng đèn LED, có công suất 120W-150W. Hệ thống chiếu sáng phải đảm bảo độ rọi chói trên đường phố theo tiêu chuẩn.

- Toàn bộ các đường cáp chiếu sáng được luồn trong ống PVC đi ngầm. Trụ đèn chiếu sáng bằng thép tráng kẽm đảm bảo bền đẹp, mỹ quan, chiều cao từ 8m, khoảng cách trung bình từ 25÷35m (tùy theo bề rộng mặt đường mà bố trí khoảng cách giữa các trụ cho phù hợp).

7. Thông tin liên lạc.

a) Hệ thống thông tin liên lạc khu quy hoạch sẽ là 1 hệ thống được ghép nối vào mạng viễn thông của thành phố Vị Thanh. Mạng lưới cáp thông tin liên

lạc trong khu quy hoạch chủ yếu sử dụng loại cáp có đầu chống ẩm đặt trong ống uPVC đi ngầm. Các tuyến ống chính được đi dưới vỉa hè. Các tuyến cáp đồng từ hộp cáp đưa tới từng nhà và công trình sẽ được đi luôn trong ống uPVC đặt dưới phần hoàn thiện của vỉa hè.

b) Những vị trí lắp đặt ống cáp qua đường thì lắp ống nhựa uPVC chịu lực có đường kính thích hợp chôn sâu 1,2m trong đất. Căn cứ vào số thuê bao ở từng khu vực sẽ xác định dung lượng, vị trí tủ cáp ở giai đoạn lập dự án đầu tư.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Bộ phận công trình được phép nhô quá chỉ giới đường đỏ

1. Các công trình nhà ở có chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ.

a) Các bộ phận cố định của công trình.

- Các bậu cửa, gờ chỉ, bộ phận trang trí được phép vượt chỉ giới đường đỏ không quá 0,2m.

- Mọi bộ phận ngầm của công trình dưới mặt đất không được vượt quá chỉ giới đường đỏ.

- Phần ban công vươn ra cho phép che chắn làm phòng (diện tích che chắn đối với mặt đứng chính không lớn hơn 60% diện tích ban công; đối với nhà ở các góc giao lộ ban công hướng ra mặt bên diện tích che chắn không lớn hơn 30% diện tích ban công. Trong phần diện tích che chắn không được làm phòng vệ sinh).

b) Các bộ phận nhô ra không cố định.

Cửa đi và cửa sổ: Trong quá trình đóng, mở không có vị trí nào vượt quá chỉ giới đường đỏ.

2. Các công trình nhà ở có chỉ giới xây dựng lùi vào so với chỉ giới đường đỏ.

a) Không có bộ phận nào của công trình vượt quá chỉ giới đường đỏ.

b) Các bộ phận của công trình được phép vượt quá chỉ giới xây dựng trong các trường hợp sau: Bậc thềm, vệt dãi xe, bậu cửa, gờ chỉ, cánh cửa, ô văng, móng.

Điều 6. Vệ sinh đô thị

1. Thải nước.

a) Nước mưa và các loại nước thải không được xả trực tiếp lên mặt vỉa hè, đường phố mà phải theo hệ thống ống, cống ngầm từ công trình chảy vào hệ thống thoát nước đô thị.

b) Nước thải của khu vệ sinh (xí, tiểu) phải được xử lý qua bể tự hoại, xây dựng đúng tiêu chuẩn kỹ thuật trước khi thải vào hệ thống công thoát nước đô thị.

c) Nước thải sản xuất và hoạt động dịch vụ (nếu có) phải được xử lý đạt yêu cầu, trước khi xả vào hệ thống công thoát nước đô thị.

2. Thải khói, khí.

Không được xả khói, khí thải gây khó chịu cho cư dân xung quanh. Miệng xả ống khói, ống thông hơi không được hướng ra đường phố.

3. Đặt máy lạnh.

Máy lạnh nếu đặt ở mặt chính công trình, sát chỉ giới xây dựng phải ở độ cao trên 2,7m và không được xả nước ngưng trực tiếp lên mặt vỉa hè, đường phố.

Điều 7. Mỹ quan đô thị

1. Kiến trúc đô thị.

a) Không xây dựng kiến trúc tạm trên sân thượng, ban công, lô gia.

b) Trang thiết bị trên mái nhà như bồn chứa nước và các thiết bị khác phải đặt phía sau hay bên trong mái hoặc các loại mái giả tương tự.

c) Không được xây thêm các kiến trúc cháp vá bám vào kiến trúc chính như vẩy thêm mái bám vào kiến trúc chính, tường rào; làm kiến trúc tạm trên sân thượng, ban công, lô gia.

d) Các mặt đứng công trình kết hợp giữa kiến trúc truyền thống và kiến trúc hiện đại đảm bảo hài hòa với không gian chung của khu vực.

2. Trang trí mặt ngoài nhà.

Mặt ngoài nhà (mặt tiền, mặt bên) không được sơn quét màu và trang trí các chi tiết phản mỹ thuật có độ phản quang không được lớn hơn 70%.

3. Mặt chính và mặt bên công trình không được bố trí sân phơi quần áo.

4. Quan hệ với nhà bên cạnh.

a) Không bộ phận nào của ngôi nhà kể cả thiết bị, đường ống, phần ngầm dưới đất (móng, đường ống), được vượt quá ranh giới lô đất nhà bên cạnh. Các phần nhô lên phía trên (như bể chứa nước, ăngten, khung thang máy..) phải bố trí khuất vào khối tích công trình.

b) Không được xả nước mưa, nước thải các loại (kể cả nước ngưng tụ của máy lạnh), khí bụi, khí thải sang nhà bên cạnh.

Điều 8. Vật liệu xây dựng

Công trình xây dựng sử dụng vật liệu có độ bền cao và khả năng chịu lực, chịu lửa tốt. Kết cấu chịu lực khung bê tông cốt thép, xây tường bao che.

Điều 9. Biển quảng cáo

1. Vật quảng cáo độc lập ngoài trời hoặc gắn với các công trình kiến trúc phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về quảng cáo. Nghiêm cấm việc đặt các bảng quảng cáo không được phép của cơ quan có thẩm quyền.

2. Từ độ cao $\geq 2,4\text{m}$ được lắp đặt các bảng hiệu như (tên cửa hiệu, tên doanh nghiệp...).

Điều 10. Hàng rào và cổng (đối với công trình có khoảng lùi như biệt thự)

Tường rào phải có hình thức kiến trúc thoáng nhẹ, tạo vẻ mỹ quan và tuân thủ các yêu cầu sau:

1. Hàng rào không được phép xây dựng vượt ngoài ranh giới (kể cả móng) chiều cao tối đa của tường rào 2,4m đối với nhà ở mật độ thấp và 1,8m đối với nhà ở liên kề (tính từ mặt vỉa hè hiện hữu ổn định tại địa điểm xây dựng, chiều cao, kiến trúc tường rào phải đồng bộ).

2. Phần tường rào giáp với đường phố từ độ cao 0,8m trở lên phải thiết kế trống thoáng. Phần trống thoáng này tối thiểu chiếm 60% mặt phẳng đứng của tường rào.

3. Cổng vào công trình: Không được phép mở cửa ra ngoài chỉ giới đường đỏ.

Điều 11. Tóm tắt một số đặt điểm về tính chất, cơ cấu quy hoạch

1. Tính chất: Xây dựng dự án Khu đô thị mới phù hợp với các điều kiện phát triển của địa phương trong tình hình mới, đảm bảo các chức năng đảm bảo đầy đủ các chức năng sống tiện nghi, hiện đại, đáp ứng các yêu cầu đầu nói về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ,..., làm tiền đề cho tiến trình đầu tư hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội thành phố Vị Thanh.

2. Cơ cấu quy hoạch: Vị trí và quy mô các khu chức năng sẽ được bố trí hợp lý để tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các khu chức năng với nhau, đảm bảo mỹ quan, đồng bộ về cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho đời sống hàng ngày của người dân một cách tối ưu nhất. Khu đất quy hoạch được phân khu chức năng gồm các thành phần sau: Đất nhà ở liên kề, đất nhà ở tái định cư, đất nhà ở xã hội, đất công viên cây xanh, đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật...

Điều 12. Quy định không gian kiến trúc, cảnh quan đối với đất nhà ở Liên kề, tiếp giáp các trục đại lộ Võ Nguyên Giáp, đường 03, 09 và các đường nội bộ trong dự án.

1. Mật độ xây dựng: $\leq 90\%$. Riêng đối với các lô đất ký hiệu A14, A15, A22, A32, A33, A43, A44 và một phần tại các lô đất ký hiệu A16÷A21, A23, A34÷A38, A40÷A42, A45÷A45 có diện tích lô nền $\leq 90\text{m}^2$ mật độ xây dựng $\leq 100\%$ (Chi tiết theo bản đồ quy hoạch sử dụng đất. Các lô vị trí nền góc đường mật độ xây dựng theo Bảng 2.8, Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN

01:2021).

2. Tầng cao xây dựng: 01 ÷ 04 tầng.

3. Hệ số sử dụng đất khoảng: 3,6 ÷ 4 lần tùy theo lô đất. (Khi thiết kế chi tiết tùy theo độ vưon ban công, kiến trúc công trình tính toán hệ số sử dụng đất cho phù hợp).

4. Chiều cao tầng trệt 4,2m, các tầng còn lại cao 3,6m. Chiều cao tối đa của công trình là $\leq 18\text{m}$ so với đỉnh gờ bó vỉa.

5. Cao độ nền tầng trệt hoàn thiện +2,25m (cao độ Nhà nước).

6. Độ vưon ban công so với chỉ giới xây dựng 1,2m.

7. Khoảng lùi xây dựng phía trước nhà: Chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ.

8. Khoảng lùi xây dựng phía sau nhà đối với lô đất có mật độ xây dựng $\leq 90\%$: $\geq 2\text{m}$ so với ranh đất đồng thời đảm bảo đúng theo mật độ xây dựng. Chi tiết khoảng lùi xây dựng theo bản đồ chỉ giới xây dựng.

Điều 13. Quy định không gian kiến trúc, cảnh quan đối với Đất Nhà ở tái định cư, tiếp giáp đại lộ Võ Nguyên Giáp, đường số 25, đường số 27, đường số 28A.

1. Mật độ xây dựng: $\leq 100\%$. Riêng một phần tại lô đất ký hiệu TDC2, TDC3 có diện tích lô nền 100m^2 mật độ xây dựng $\leq 90\%$.

2. Tầng cao xây dựng: 01 ÷ 04 tầng.

3. Hệ số sử dụng đất khoảng: 3,6 lần. (Khi thiết kế chi tiết tùy theo kiến trúc công trình độ vưon ban công tính toán hệ số sử dụng đất cho phù hợp).

4. Chiều cao tầng trệt 4,2m, các tầng còn lại cao 3,6m. Chiều cao tối đa của công trình là $\leq 18\text{m}$ so với đỉnh gờ bó vỉa.

5. Cao độ nền tầng trệt hoàn thiện +2,25m (cao độ Nhà nước).

6. Độ vưon ban công so với chỉ giới xây dựng 1,2m.

7. Khoảng lùi xây dựng phía trước nhà: Chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ.

8. Khoảng lùi xây dựng phía sau nhà đối với lô đất có mật độ xây dựng $\leq 90\%$: $\geq 2\text{m}$ so với ranh lô đất đồng thời đảm bảo đúng theo mật độ xây dựng. Chi tiết khoảng lùi xây dựng theo bản đồ chỉ giới xây dựng.

Điều 14. Quy định không gian kiến trúc, cảnh quan đối với Nhà ở Biệt thự, tiếp giáp đường số 11, số 12 và đường số 19.

1. Bố trí tại lô đất có ký Thiệu BT1, BT2, BT3 với 62 nền, diện tích 24.555m^2 , nằm tiếp giáp đường số 11, số 12 và đường số 19.

2. Mật độ xây dựng: $\leq 50\%$.

3. Tầng cao xây dựng: 1 ÷ 3 tầng.

4. Hệ số sử dụng đất khoảng: 1,5 lần. (Khi thiết kế chi tiết tùy theo kiến

trúc công trình, ban công vươn ra tính toán hệ số sử dụng đất cho phù hợp).

5. Cao độ nền tầng trệt hoàn thiện $+2,5\text{m}$ (cao độ Nhà nước).

6. Chiều cao tầng trệt $4,2\text{m}$, các tầng còn lại cao $3,6\text{m}$. Chiều cao tối đa của công trình $\leq 15\text{m}$ so với đỉnh gờ bó vỉa.

7. Khoảng lùi xây dựng: Cách chỉ giới đường đỏ 5m , khoảng lùi phía sau cách ranh đất $\geq 2\text{m}$, Các lô vị trí nền góc lùi 2m so với chỉ giới đường đỏ đồng thời đảm bảo đúng theo mật độ xây dựng. Chi tiết khoảng lùi xây dựng theo bản đồ quy hoạch giao thông.

Điều 15. Quy định không gian kiến trúc, cảnh quan đối với Nhà ở xã hội, tiếp giáp các trục đường số 01, số 03 và đường nội bộ.

1. Mật độ xây dựng: $\leq 60\%$ đối với nhà ở chung cư, $\leq 100\%$ đối với nhà ở liên kế thấp tầng.

2. Tầng cao xây dựng: $02 \div 07$ tầng đối với nhà ở chung cư và ≤ 2 tầng đối với nhà ở liên kế thấp tầng.

3. Chiều cao tầng trệt $3,9\text{m} \div 4,2\text{m}$, các tầng còn lại cao $3,6\text{m}$. Cao độ nền tầng trệt hoàn thiện $\geq +2,5\text{m}$ (cao độ Nhà nước). Tùy theo kiến trúc công trình chiều cao và cao độ nền xây dựng công trình xem xét cho phù hợp với kiến trúc dự án đảm bảo chiều cao xây dựng tối đa đối với nhà ở chung cư là 28m , nhà ở liên kế thấp tầng là 10m so với đỉnh gờ bó vỉa.

4. Khoảng lùi xây dựng công trình: Cách chỉ giới đường đỏ $\geq 6\text{m}$ đối với nhà ở chung cư và trùng với chỉ giới đường đỏ đối với nhà ở liên kế.

Điều 16. Quy định không gian kiến trúc, cảnh quan đối với đất Thương mại – dịch vụ, tiếp giáp đường số 18 (theo QHC).

1. Mật độ xây dựng: $\leq 60\%$.

2. Tầng cao xây dựng: $1 \div 5$ tầng.

3. Hệ số sử dụng đất khoảng: 3 lần. (Khi thiết kế chi tiết tùy theo kiến trúc công trình, độ vươn ban công tính toán hệ số sử dụng đất cho phù hợp).

4. Chiều cao tầng trệt $3,9\text{m} \div 4,2\text{m}$, các tầng còn lại cao $3,6\text{m}$. Cao độ nền tầng trệt hoàn thiện $\geq +2,5\text{m}$ (cao độ Nhà nước). Tùy theo kiến trúc công trình chiều cao và cao độ nền xây dựng công trình xem xét cho phù hợp với kiến trúc dự án đảm bảo chiều cao xây dựng tối đa của công trình $\leq 22\text{m}$ so với đỉnh gờ bó vỉa.

5. Khoảng lùi xây dựng: Cách chỉ giới đường đỏ $\geq 6\text{m}$ đối với các trục đường tiếp giáp.

Điều 17. Quy định không gian kiến trúc, cảnh quan đối với đất Giáo dục, tiếp giáp đường số 2, số 3 và đường nội bộ.

1. Mật độ xây dựng: $\leq 40\%$.

2. Tầng cao xây dựng: 1÷3 tầng.

3. Hệ số sử dụng đất khoảng: 1,2 lần. (Khi thiết kế chi tiết tùy theo kiến trúc công trình, độ vượn ban công tính toán hệ số sử dụng đất cho phù hợp).

4. Khoảng lùi xây dựng: Cách chỉ giới đường đỏ $\geq 6\text{m}$ đối với các trục đường tiếp giáp.

5. Chiều cao tầng trệt 3,9m÷4,2m, các tầng còn lại cao 3,6m. Cao độ nền tầng trệt hoàn thiện $\geq +2,5\text{m}$ (cao độ Nhà nước). Tùy theo kiến trúc công trình chiều cao và cao độ nền xây dựng công trình xem xét cho phù hợp với kiến trúc dự án đảm bảo chiều cao xây dựng tối đa của công trình $\leq 15\text{m}$ so với đỉnh gờ bó vỉa.

Điều 18. Quy định không gian kiến trúc, cảnh quan đối với đất Y tế, nằm tiếp giáp đường số 01, số 18 (theo QHC).

1. Mật độ xây dựng: $\leq 40\%$.

2. Tầng cao xây dựng: 1÷3 tầng.

3. Hệ số sử dụng đất khoảng: 1,2 lần. (Khi thiết kế chi tiết tùy theo kiến trúc công trình, độ vượn ban công xây dựng tính toán hệ số sử dụng đất cho phù hợp).

4. Khoảng lùi xây dựng: Cách chỉ giới đường đỏ $\geq 6\text{m}$ đối với các trục đường tiếp giáp.

5. Chiều cao tầng trệt 3,9m÷4,2m, các tầng còn lại cao 3,6m. Cao độ nền tầng trệt hoàn thiện $\geq +2,5\text{m}$ (cao độ Nhà nước). Tùy theo kiến trúc công trình chiều cao và cao độ nền xây dựng công trình xem xét cho phù hợp với kiến trúc dự án đảm bảo chiều cao xây dựng tối đa của công trình $\leq 15\text{m}$ so với đỉnh gờ bó vỉa.

Điều 19. Quy định không gian kiến trúc, cảnh quan đối với đất Văn hóa -Thể thao, tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp.

1. Mật độ xây dựng: $\leq 40\%$.

2. Tầng cao xây dựng: 1÷2 tầng.

3. Hệ số sử dụng đất khoảng: 0,8 lần. (Khi thiết kế chi tiết tùy theo kiến trúc công trình, độ vượn ban công xây dựng tính toán hệ số sử dụng đất cho phù hợp).

4. Khoảng lùi xây dựng: Cách chỉ giới đường đỏ $\geq 6\text{m}$ đối với các trục đường tiếp giáp.

5. Chiều cao tầng trệt 3,9m÷4,2m, tầng còn lại cao 3,6m. Cao độ nền tầng trệt hoàn thiện $\geq +2,5\text{m}$ (cao độ Nhà nước). Tùy theo kiến trúc công trình chiều cao và cao độ nền xây dựng công trình xem xét cho phù hợp với kiến

trúc dự án đảm bảo chiều cao xây dựng tối đa của công trình $\leq 10\text{m}$ so với đỉnh gờ bó vỉa.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 20. Mọi hành vi vi phạm các Điều, Khoản của Quy định này tùy theo mức độ sẽ bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Pháp luật.

Điều 21. Các cơ quan có trách nhiệm quản lý xây dựng căn cứ đồ án quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt và các quy định cụ thể của Quy định này hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có liên quan lập dự án đầu tư xây dựng công trình và kiểm tra, giám sát theo quy định.

Điều 22. Đồ án quy hoạch chi tiết và Quy định này được ấn hành và lưu trữ tại các cơ quan sau đây để phổ biến đến các tổ chức, cá nhân có liên quan biết và thực hiện.

1. Sở Xây dựng tỉnh Hậu Giang.
2. Phòng Quản lý đô thị thành phố Vị Thanh.
3. Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Vị Thanh.
4. Đội Quản lý trật tự đô thị thành phố Vị Thanh.
5. Ủy ban nhân dân phường IV, thành phố Vị Thanh./.